MARKET LENS

31/1/2024

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,164.31	229.18
% Thay đổi	-1.30%	-0.64%
KLGD (CP)	1,053,770,320	98,353,094
GTGD (tỷ đồng)	23,271.18	1,852.28
Tổng cung (CP)	2,092,646,507	174,935,400
Tổng cầu (CP)	1,903,477,248	131,243,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	56,722,982	3,401,003
KL mua (CP)	71,339,697	2,591,730
GT mua (tỷ đồng)	1,846.98	64.69
GT bán (tỷ đồng)	1,723.60	65.70
GT ròng (tỷ đồng)	123.38	(1.01)

Tương quan cung cầu HOSE

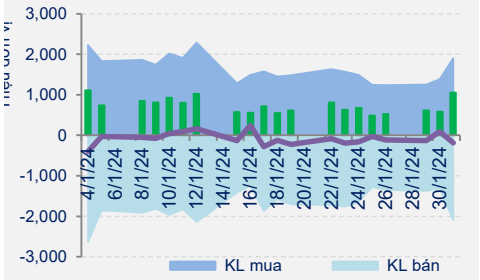

Giá trị Giao dịch NDTNN HOSE

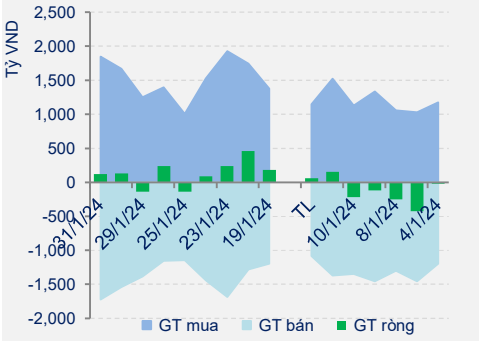

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX

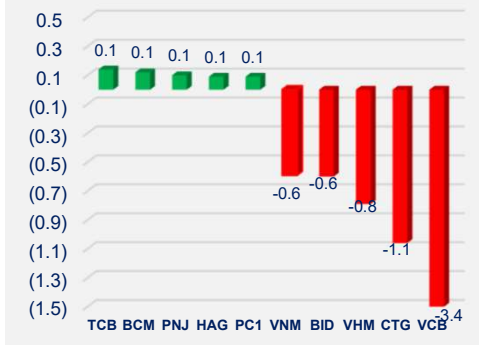

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Nhà đầu tư trên thị trường đang chờ đợi kết quả cuộc họp của FOMC (Mỹ) sau cuộc họp kéo dài hai ngày, kết thúc vào ngày 31/1/2024. FED sẽ đưa ra quyết định chính sách vào 14h ngày 31/1 (khoảng 2h sáng ngày 1/2 theo giờ Việt Nam). Hiện thị trường dự báo xác suất Fed giữ nguyên lãi suất điều hành lên tới 97%, theo công cụ FedWatch của CME Group. Với tâm lý thận trọng thị trường bất ngờ chịu áp lực bán mạnh bắt đầu ở nhóm ngân hàng ngay từ đầu phiên, áp lực bán tiếp tục gia tăng mạnh hơn đến cuối phiên với thanh khoản đột biến kém tích cực. Kết phiên VN-INDEX giảm 15,34 điểm (-1,30%) về mức 1.164,31 điểm và kiểm tra lại vùng giá trung bình MA200 tuần tương ứng quanh 1.155 điểm. HNX-INDEX giảm 1,49 điểm (-0,651%) lên mức 229,186 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết trở nên tiêu cực với áp lực bán gia tăng mở khi có 487 mã giảm giá (08 mã giảm sàn), 266 mã tăng giá (10 mã tăng trần) và 136 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết tăng đột biến 69,12% lên 25.116,32 tỷ đồng, vượt mức trung bình. Áp lực bán gia tăng khá đột biến, có thể đến từ hoạt động cơ cấu danh mục của các quỹ ETF theo bộ chỉ số HOSE tại kỳ quý I/2024, tâm lý chốt lãi ngắn hạn ở nhiều nhóm mã, áp lực hạ tỉ trọng dư nợ margin khi thị trường sẽ bắt đầu kỳ nghĩ lễ Tết nguyên đán trong cuối tuần sau. Khối ngoại gia tăng giao dịch tỉ trọng giao dịch, mua ròng với giá trị 97,88 tỉ đồng, mua ròng ở nhóm thép, dịch vụ tài chính, chứng khoán; bán ròng trên HNX với giá trị 1,01 tỉ đồng.

Thị trường chịu áp lực bán mạnh của nhóm cổ phiếu ngân hàng khi nhóm này vẫn trong vùng quá mua ngắn hạn, áp lực bán gia tăng mạnh với hầu hết các mã, thanh khoản khá đột biến hơn như SHB (-5,69%), EIB (-3,10%), OCB (-2,94%), STB (-2,61%)... Trong khi đó các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán lại có diễn biến bất ngờ tăng mạnh từ đầu phiên, khối lượng giao dịch rất đột biến, tuy nhiên kết phiên phân hóa mạnh, nhiều mã giảm điểm khi chịu áp lực bán ở vùng giá cao như HCM (-1,67%), SBS (-1,37%), AGR (-0,91%)... ngoài các mã vẫn tăng giá nổi bật như FTS (+5,62%), MBS (+3,21%), VCI (+2,02%), CTS (+1,54%)....

Thị trường đã kết thúc khoảng thời gian công bố kết quả kinh doanh quý IV/2023 cũng như cả năm 2023 do đó phân hóa mạnh theo tình hình kinh doanh. Các cổ phiếu dầu khí đa phần có kết quả kinh doanh cả năm 2023 khá tích cực nhưng vẫn chịu áp lực điều chỉnh tích lũy kéo dài với hầu hết các mã giảm điểm trong phiên hôm nay, thanh khoản dưới mức trung bình như BSR (-2,09%), PVT (-2,08%), PVP (-1,79%), VTO (-1,45%), PVD (-1,43%)... Các cổ phiếu bất động sản cũng chịu áp lực điều chỉnh, giảm điểm khá mạnh như VRE (-4,06%), ITC (-3,18%), CRE (-2,44%), TCH (-2,22%)... ngoài các mã tăng giá như NVL (+1,52%) NBB (+0,96%), DIG (+0,56%)...

Trong khi các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su sau giai đoạn tăng giá mạnh trước những thông tin kết quả kinh doanh tích cực đang chịu áp lực chốt lãi ngắn hạn khá mạnh trong vùng quá mua với đa số giảm điểm như DTD (-3,60%), LHG (-3,38%), DPR (-2,66%), TIP (-2,52%)... ngoài D2D (+2,81%), SIP (+2,51%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2402 giảm mạnh 15 điểm (-1,26%) chênh lệch dương 4,47 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch tiếp tục tăng mạnh 117,49% so với phiên trước, cho thấy mức độ đầu cơ trong phiên gia tăng mạnh trở lại khi VN30 biến động tiêu cực. VN30F2402 đang có tín hiệu chuyển sang giai đoạn điều chỉnh với vùng kháng cự gần nhất 1.175 -1.180 điểm. Các kỳ hạn VN30F2403, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 5,57 điểm đến -0,03 điểm so với VN30. Mức chênh lệch mở rộng, cho thấy các trader đang đảo chiều tâm lý, kỳ vọng VN30 sẽ phục hồi ngắn hạn trở lại trong những phiên tiếp theo, gia tăng phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở các kỳ hạn lớn hơn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường bất ngờ giảm điểm mạnh trong phiên hôm nay và VnIndex test lại nền tích lũy nhỏ đã hình thành trước nhịp tăng (1.150 điểm – 1.160 điểm). Chốt phiên VnIndex giảm -15,34 điểm (-1,30%) và đóng cửa ở 1.164,31 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường trong nhịp tăng đầu tiên để vận động trong kênh tích lũy rộng. Tuy nhiên sau phiên giảm điểm mạnh hôm nay, Vn-Index đang có rủi ro điều chỉnh để kiểm định lại nền hỗ trợ trong vùng 1.150 điểm – 1.160 điểm trong các phiên tới. Chúng tôi hy vọng phiên giảm điểm hôm nay chỉ là diễn biến nhất thời do chịu tác động của hoạt động tái cơ cấu danh mục theo chỉ số và thị trường sẽ sớm phục hồi trở lại.

Về trung hạn Vn-Index đang vận động trong khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới và chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ hình thành nền tích lũy trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Thị trường bất ngờ điều chỉnh mạnh trong phiên và test lại các ngưỡng hỗ trợ như đã đề cập ở trên, chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ sớm trở lại xu hướng tăng ngắn hạn, nhà đầu tư ngắn hạn có thể giải ngân trong các phiên tới nếu VnIndex có tín hiệu đảo chiều tăng trở lại. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tảng tích lũy, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể giải ngân nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp !

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 31/1/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
DPM	32.75	31-33	38-39	29	8.2	-17.2%	-93.6%	Theo dõi giải ngân
FOX	54.99	57-59	67-69	53	11.7	4.9%	15.2%	Theo dõi giải ngân
DPR	32.95	31-32	36-37	29	16.5	6.6%	61.9%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	26.00	22.3	28-28.5	25	16.6%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	51.20	45.1	52-53	50	13.5%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	27.55	27.55	30-31	26.5	0.0%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.25	18.09	23-24	19	6.4%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ	
Xuất khẩu gạo sang EU cao kỷ lục, vượt xa hạn ngạch của EVFTA	Sau khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam –EU (EVFTA) có hiệu lực từ tháng 8/2020, xuất khẩu gạo của Việt Nam sang EU đã có bước tăng trưởng khá ấn tượng. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, Việt Nam đã xuất khẩu kỷ lục gần 104.000 tấn gạo sang thị trường EU trong năm 2023 với giá trị thu về 71,7 triệu USD, tăng 10% cả về lượng và kim ngạch so với năm 2022. Như vậy, đây đã là năm thứ hai liên tiếp xuất khẩu gạo sang EU vượt hạn ngạch 80.000 tấn/năm mà EU cam kết dành cho Việt Nam theo Hiệp định EVFTA. Kết quả này cho thấy các doanh nghiệp đang tận dụng khá tốt các cơ hội từ Hiệp định EVFTA. Đồng thời, chất lượng gạo của Việt Nam cũng ngày càng cải thiện và đáp ứng được các yêu cầu khắt khe từ các thị trường khó tính.
Tỷ lệ nợ trên GDP của Trung Quốc cao chưa từng thấy	Theo báo cáo vừa công bố của Viện Tài chính và Phát triển Quốc gia Trung Quốc (NIFD), tỷ lệ nợ trên tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Trung Quốc tăng lên mức kỷ lục mới trong năm 2023… Cụ thể, tỷ lệ đòn bẩy vĩ mô - thước đo tỷ lệ tổng dư nợ phi tài chính so với GDP danh nghĩa - của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới đã tăng lên 287,8% trong năm ngoái, tăng 13,5 điểm phần trăm so với năm 2022. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của vay nợ trong nền kinh tế là thấp hơn - với tổng nợ của các hộ gia đình, doanh nghiệp và khu vực nhà nước tăng 9,8% - mức tăng gần như không đổi so với năm 2022 và là mức tương đối thấp.
Khẩn trương triển khai Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng cho nhà ở xã hội	Văn Phòng Chính Phủ ban hành Công văn số 681/VPCP-CN về việc triển khai Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng cho chủ đầu tư và người mua nhà ở xã hội, nhà ở công nhân… Công văn số 681/VPCP-CN truyền đạt ý kiến của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà gửi các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai Chương trình tín dụng 120.000 tỷ đồng cho chủ đầu tư và người mua nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, dự án cải tạo xây dựng lại chung cư.
IMF: Kinh tế toàn cầu đã 'cách xa kịch bản suy thoái'	Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) lạc quan với kinh tế thế giới năm nay nhờ tiêu dùng, việc làm và chuỗi cung ứng được cải thiện. Trong báo cáo cập nhật Triển vọng Kinh tế Toàn cầu công bố hôm 30/1, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) nâng dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới. Theo đó, GDP toàn cầu có thể tăng 3,1% năm 2024, thêm 0,2 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra hồi tháng 10/2023. Dự báo cho năm 2025 không đổi, là 3,2%. Dù vậy, tăng trưởng vẫn dưới mức trung bình giai đoạn 2000-2019 là 3,8%.

TIN DOANH NGHIỆP	
Vietjet đạt doanh thu 62.500 tỷ đồng, tăng mạnh so năm trước	Tiên phong mở rộng mạng bay quốc tế, thúc đẩy hồi phục và phát triển du lịch, đầu tư, giao thương trong nước và khu vực, Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet (HOSE: VJC) công bố kết quả kinh doanh năm 2023 tăng trưởng mạnh. Trong năm 2023, Vietjet đã khai thác an toàn 133 nghìn chuyến bay, vận chuyển 25,3 triệu lượt hành khách (chưa bao gồm Vietjet Thái Lan), trong đó hơn 7,6 triệu khách quốc tế, tăng tới 183% so với năm 2022. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 của Vietjet ghi nhận doanh thu 53.600 tỷ đồng (riêng lẻ) và 62.500 tỷ đồng (hợp nhất), tăng lần lượt 62% và 56% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế riêng lẻ và hợp nhất năm 2023 đạt lần lượt 697 tỷ đồng và 344 tỷ đồng.
Xây dựng Hoà Bình lãi trăm tỷ quý IV nhờ hoàn nhập dự phòng	Hoàn nhập dự phòng các các khoản phải thu khó đòi là cứu cánh giúp Xây dựng Hoà Bình có lãi quý cuối năm song luỹ kế cả năm, tập đoàn vẫn lỗ ròng gần 800 tỷ đồng. Trong bối cảnh ngành xây dựng dân dụng chưa hồi phục, báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2023 của CTCP Tập đoàn Xây dựng Hoà Bình (Mã: HBC) cho thấy doanh thu thuần giảm 32% so với cùng kỳ xuống 2.137 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp còn 53 tỷ song đã cải thiện so với mức lỗ 426 tỷ của quý IV/2022.
PV GAS nắm gần 41.000 tỷ tiền mặt	Với lượng tiền nắm giữ hơn 40.700 tỷ đồng cuối năm 2023 giúp PV GAS nhận về trên 2.000 tỷ đồng từ lãi tiền gửi, tiền cho vay năm qua. Theo báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2023, doanh thu thuần của Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV GAS - Mã: GAS) tăng 2% so với cùng kỳ lên 22.571 tỷ đồng. Cả năm 2023, doanh thu thuần đạt 89.953 tỷ, lãi ròng còn 11.606 tỷ, giảm lần lượt 11% và 22% so với mức cao kỷ lục của năm trước đó. Năm 2023, tổng doanh thu hợp nhất kỳ vọng của PV GAS là 76.441 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 6.539 tỷ đồng. Như vậy với kết quả trên, tổng công ty đã vượt lần lượt 18% và 80% các chỉ tiêu năm.
Vietnam Airlines tiếp tục "bài ca thua lỗ" trong quý 4, lỗ lũy kế gần 41,000 tỷ đồng	Đã 4 năm trôi qua, cổ đông của Vietnam Airlines (HOSE: HVN) chưa biết cảm giác có lãi là như thế nào. Trong quý 4/2023, hãng hàng không quốc gia thậm chí còn lỗ gộp. Trong 3 tháng cuối năm, Vietnam Airlines chứng kiến hoạt động cốt lõi đi xuống so với 3 quý trước đó. Hãng hàng không này dù ghi nhận doanh thu tăng vọt so với cùng kỳ, nhưng vẫn lỗ gộp 189 tỷ đồng. Điều này cho thấy phong độ tệ hại của hãng hàng không quốc gia dù COVID-19 đã kết thúc từ 1 năm trước.

KLGD và VN-Index trong phiên

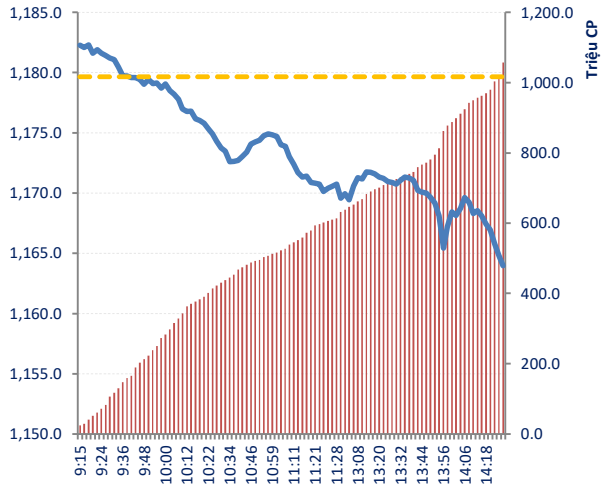

KLGD và HNX-Index trong phiên

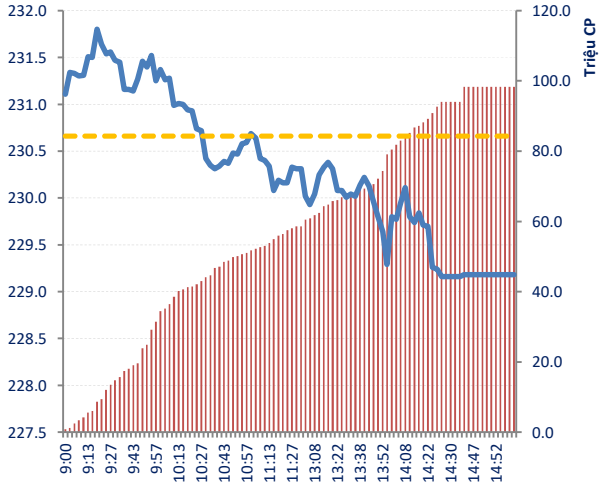

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

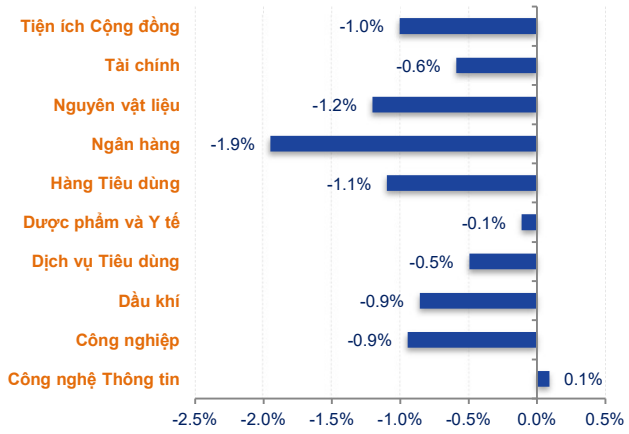

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

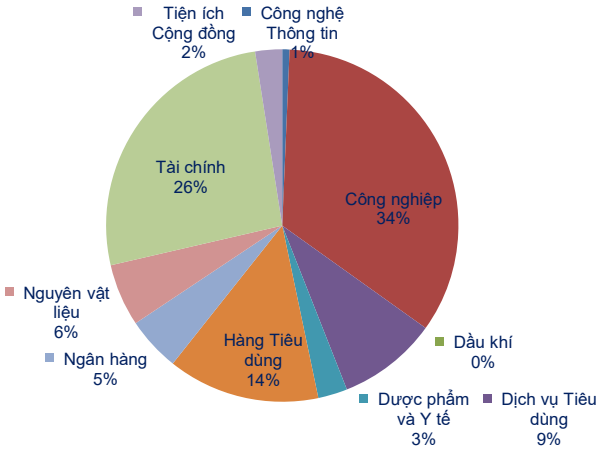

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

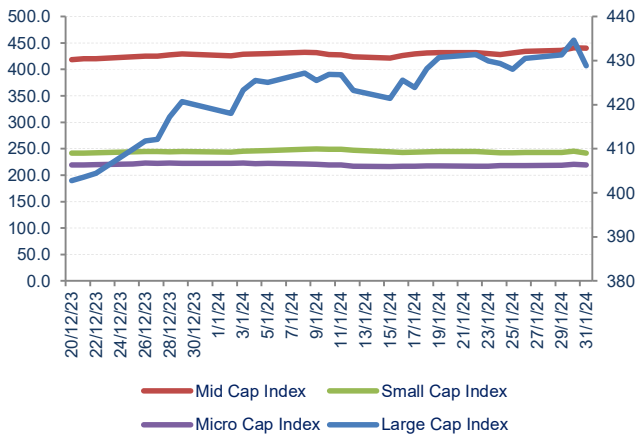

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

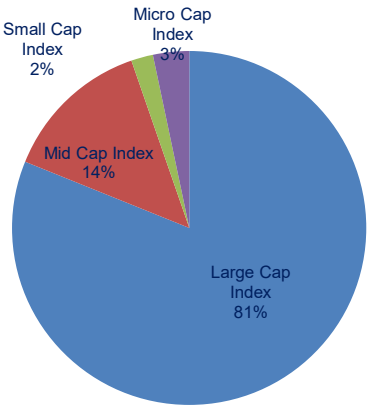

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	AAA	9,321,900	VRE	8,077,721
2	SSI	5,606,700	VND	3,169,188
3	VIX	4,505,400	HAG	1,440,105
4	HPG	4,056,852	VNM	1,386,189
5	ASM	2,605,400	LPB	1,331,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	12.30	11.60	-5.69%	129,843,200
VIX	17.40	17.45	0.29%	47,296,800
SSI	34.15	34.40	0.73%	44,868,700
STB	30.70	29.90	-2.61%	34,456,400
EIB	19.35	18.75	-3.10%	32,711,400

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HTL	12.20	13.05	0.85	6.97%
QNP	39.10	41.80	2.70	6.91%
JVC	3.36	3.59	0.23	6.85%
MCP	37.30	39.80	2.50	6.70%
S4A	33.40	35.50	2.10	6.29%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ST8	17.15	15.95	-1.20	-7.00%
MHC	9.10	8.47	-0.63	-6.92%
DLG	2.47	2.30	-0.17	-6.88%
HNG	4.80	4.47	-0.33	-6.88%
SCD	16.10	15.00	-1.10	-6.83%

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MBS	724,700	SHS	1,243,170
2	IDC	153,400	TIG	130,800
3	DTD	110,698	MBG	113,900
4	TNG	78,300	IDJ	92,600
5	DHT	44,300	PVS	82,200

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.40	18.30	-0.54%	32,213,254
MBS	24.90	25.70	3.21%	8,888,387
CEO	21.60	21.40	-0.93%	7,974,038
HUT	19.70	19.20	-2.54%	5,188,861
PVS	37.20	36.70	-1.34%	4,084,740

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ARM	24.30	26.70	2.40	9.88%
TMB	52.80	58.00	5.20	9.85%
DTG	28.60	31.40	2.80	9.79%
TFC	8.20	9.00	0.80	9.76%
NBW	23.80	26.00	2.20	9.24%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CAN	68.00	61.20	-6.80	-10.00%
TPH	13.70	12.40	-1.30	-9.49%
SDG	20.10	18.20	-1.90	-9.45%
KTT	5.60	5.10	-0.50	-8.93%
HJS	34.00	31.10	-2.90	-8.53%

(*) Giá điều chỉnh

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	129,843,200	15.9%	2,036	6.0	0.9
VIX	47,296,800	11.6%	1,444	12.1	1.3
SSI	44,868,700	8.9%	1,346	25.4	2.3
STB	34,456,400	18.3%	4,094	7.5	1.3
EIB	32,711,400	8.3%	1,013	19.1	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	32,213,254	5.7%	688	26.8	1.5
MBS	8,888,387	12.3%	1,334	18.7	2.2
CEO	7,974,038	6.7%	955	22.6	1.8
HUT	5,188,861	0.8%	122	161.8	1.6
PVS	4,084,740	6.7%	1,846	20.2	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HTL	7.0%	9.0%	1,734	7.0	0.6
QNP	6.9%	14.0%	2,779	14.1	1.9
JVC	6.8%	6.5%	263	12.8	0.8
MCP	6.7%	7.6%	1,207	30.9	2.3
S4A	6.3%	22.4%	3,258	10.3	2.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ARM	9.9%	11.0%	1,295	18.8	2.0
TMB	9.8%	58.1%	19,930	2.6	1.3
DTG	9.8%	14.3%	2,500	11.4	1.4
TFC	9.8%	22.2%	2,983	2.7	0.6
NBW	9.2%	14.1%	2,324	10.2	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
AAA	9,321,900	4.8%	761	13.6	0.7
SSI	5,606,700	8.9%	1,346	25.4	2.3
VIX	4,505,400	11.6%	1,444	12.1	1.3
HPG	4,056,852	1.9%	322	87.0	1.6
ASM	2,605,400	3.0%	709	15.0	0.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MBS	724,700	12.3%	1,334	18.7	2.2
IDC	153,400	17.0%	3,177	16.9	3.2
DTD	110,698	19.5%	4,328	6.4	1.1
TNG	78,300	13.4%	1,776	11.5	1.4
DHT	44,300	9.1%	1,147	22.4	2.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	508,607	22.6%	6,013	15.1	3.2
BID	276,186	19.0%	3,781	12.8	2.2
VHM	182,883	25.0%	9,468	4.4	1.0
GAS	175,471	19.0%	5,283	14.5	2.3
CTG	172,914	15.7%	3,377	9.5	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,780	6.7%	1,846	20.2	1.3
IDC	17,721	17.0%	3,177	16.9	3.2
HUT	17,582	0.8%	122	161.8	1.6
SHS	14,962	5.7%	688	26.8	1.5
THD	13,629	2.9%	460	77.0	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
AGR	2.50	5.9%	679	24.4	1.4
FCN	2.48	1.1%	232	61.5	0.7
CII	2.45	0.8%	255	72.7	0.7
CTS	2.42	9.6%	1,261	23.1	2.1
FTS	2.31	12.7%	2,074	21.9	2.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	2.46	0.8%	122	161.8	1.6
SHS	2.43	5.7%	688	26.8	1.5
EVS	2.28	1.9%	228	35.5	0.7
MBS	2.26	12.3%	1,334	18.7	2.2
VIG	2.25	9.6%	685	11.1	1.0

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

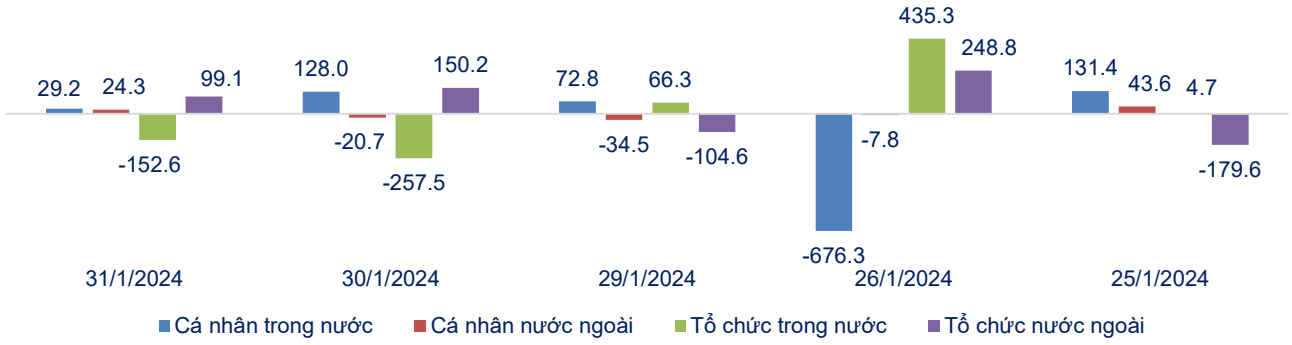

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	195.79	12.4%	1,940	12.1	1.4
VNM	119.14	24.4%	4,029	16.6	4.1
VND	88.56	13.0%	1,657	13.2	1.6
PC1	68.30	3.6%	814	37.8	1.2
VCB	54.11	22.6%	6,013	15.1	3.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	-209.03	8.9%	1,346	25.4	2.3
HPG	-159.92	1.9%	322	87.0	1.6
VCI	-75.63	7.1%	1,127	37.3	2.5
STB	-67.14	18.3%	4,094	7.5	1.3
VIX	-65.06	11.6%	1,444	12.1	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	38.49	23.4%	5,105	18.7	4.1
VND	10.10	13.0%	1,657	13.2	1.6
SAB	1.77	16.5%	3,286	17.4	1.4
SHB	1.43	15.9%	2,036	6.0	0.9
MSN	1.15	1.1%	293	225.3	2.5

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	-5.02	10.7%	2,091	15.3	1.7
TPB	-4.14	13.7%	2,019	9.1	1.2
STB	-3.75	18.3%	4,094	7.5	1.3
GIL	-3.72	-2.1%	(764)	-	0.8
VCI	-2.93	7.1%	1,127	37.3	2.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	59.18	18.3%	4,094	7.5	1.3
HPG	46.80	1.9%	322	87.0	1.6
MWG	38.72	3.0%	476	95.4	2.9
PNJ	32.13	19.8%	5,497	16.6	3.2
FPT	23.83	23.4%	5,105	18.7	4.1

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
AAA	-99.58	4.8%	761	13.6	0.7
PC1	-65.69	3.6%	814	37.8	1.2
CTG	-30.92	15.7%	3,377	9.5	1.3
TCB	-30.73	14.7%	5,118	6.9	0.9
ASM	-26.37	3.0%	709	15.0	0.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	196.19	8.9%	1,346	25.4	2.3
HPG	113.02	1.9%	322	87.0	1.6
AAA	94.43	4.8%	761	13.6	0.7
VIX	79.38	11.6%	1,444	12.1	1.3
VCI	59.24	7.1%	1,127	37.3	2.5

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	-184.79	12.4%	1,940	12.1	1.4
VNM	-93.84	24.4%	4,029	16.6	4.1
VND	-79.81	13.0%	1,657	13.2	1.6
VCB	-48.40	22.6%	6,013	15.1	3.2
FPT	-38.52	23.4%	5,105	18.7	4.1

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

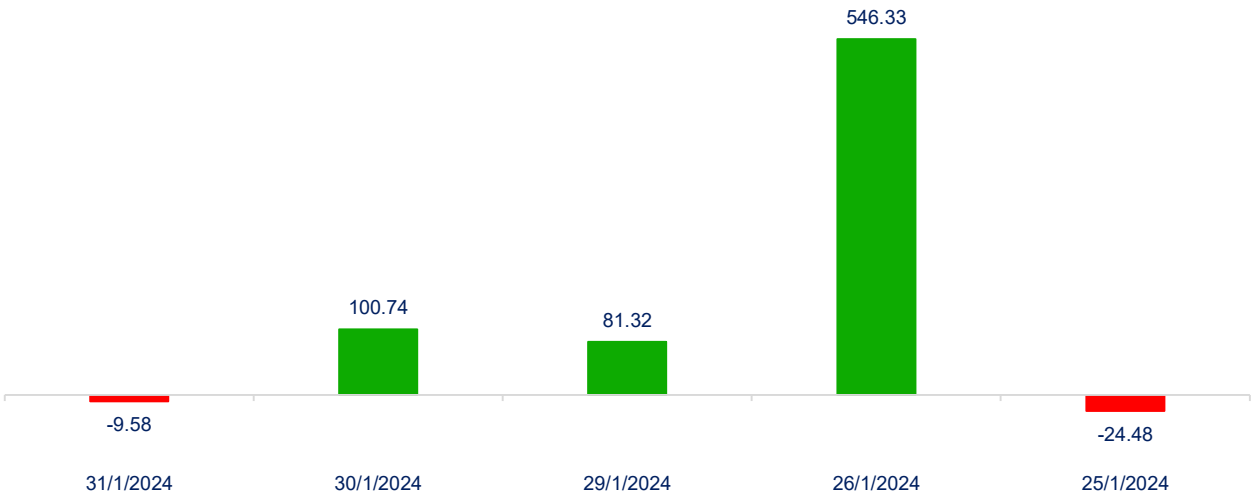

Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)

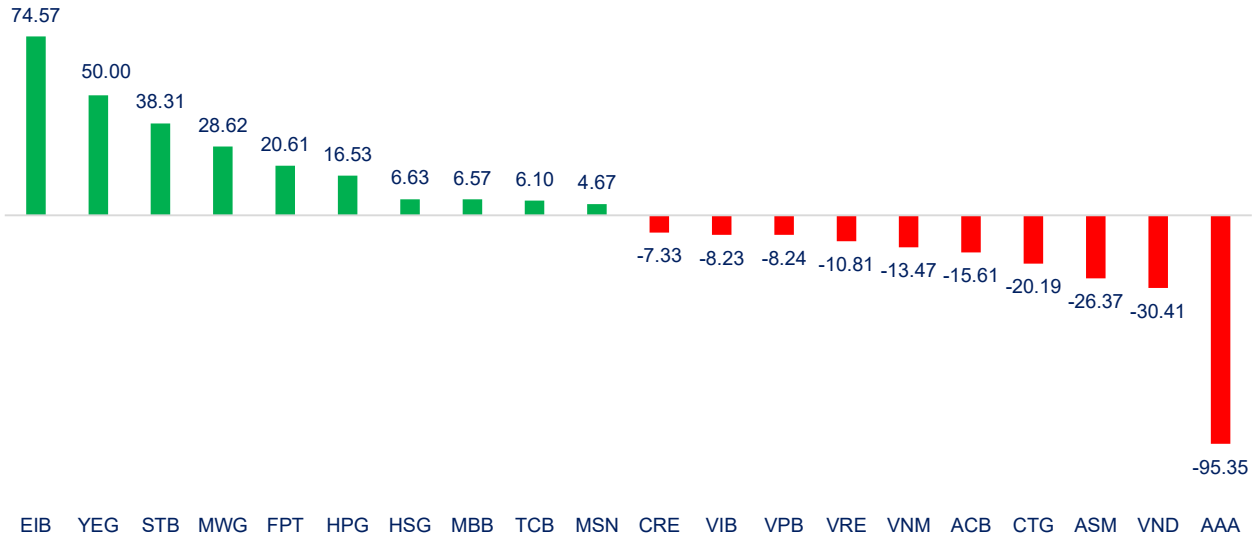

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn